

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST

Ngày 01-3-2022

“V/v tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Văn Công Trọn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 226/2021/QĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị X, Sinh năm: 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

- Bị đơn: Ông Lâm Văn H, Sinh năm: 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lâm Thùy M (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

2. Bà Phạm Ngọc N, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

3. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh C .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị X trình bày:

Bà Huỳnh Thị X và chồng bà là ông Nguyễn Thành L có làm chủ hội mở dây hội cụ thể như sau:

Hội mở ngày 16/7/2017 âm lịch (dây số 01 và 02) (ghi là tờ giao kèo thành lập tổ góp vốn), loại hội 5.000.000 đồng, dây 01 gồm 17 chung, dây 02 gồm 19 chung, 06 tháng khai 01 lần, vợ chồng ông Lâm Văn H, bà Phạm Ngọc N, con ông H là Lâm Thùy M tham gia mỗi dây một chung ở dây 01 và dây 02, nhưng sau đó M không tham gia dây 02, ông H, bà N không tham gia dây 01 nữa, trong giấy hội ở dây 02 bà ghi Lâm Thanh H (vị trí số 11, do bà không biết chữ lót của ông H, nên ghi Lâm Thanh H), chữ ký tổ viên ở vị trí thứ 11 dây số 02 là của ông Lâm Văn H. Hiện tại hội dây 01 và dây 02 đã đình hội ngày 01/10/2019 (âm lịch). Vợ chồng ông H hót dây 02 kỳ mở hội thứ 02, do vợ chồng ông H tham gia nhiều dây hội sau khi trừ đi các dây hội khác còn lại số tiền hội bà đưa cho ông H là 33.430.000 đồng. Ông H, bà N đã đóng hội chết đến kỳ thứ 5 thì không đóng nữa. Khi bà gom hội sống và chết tại nhà của ông H, vợ ông H là bà Phạm Ngọc N người trực tiếp đóng hội cho bà. Như vậy số tiền ông H, bà N phải đóng hội chết cho bà 14 kỳ x 5.000.000 đồng bằng 70.000.000 đồng.

Ông Lâm Văn H trình bày:

Ông không có tham gia chơi hội với bà Huỳnh Thị X, vợ ông là bà Phạm Ngọc N và con gái ông Lâm Thùy M có tham gia chơi hội do bà X làm chủ hội như thế nào thì ông không biết, ông chỉ biết con ông là M có tham gia dây hội mùa loại hội 5.000.000 đồng do bà X làm chủ hội, chung hội của con ông tham gia đã hót, do con ông đi làm ăn xa nên khi nào đóng hội thì con ông gửi tiền về để vợ ông đóng hội dùm cho con. Chung hội con ông hót số tiền được bao nhiêu thì ông không biết, khi bà X đến nhà ông chung hội cho M thì M không có nhà, ông có ký giấy nhận tiền hội, còn tiền hội do vợ ông bà N nhận, việc bà X trừ cần tiền hội như thế nào thì ông không biết, giấy nhận tiền hội ngày 16/01/2018 (số 2) là chữ viết Lâm Văn H là của ông. Sau khi nhận tiền hội dùm M thì vợ ông đã giao lại cho M. Theo ông biết sau khi M hót hội có gửi tiền về cho vợ ông bà N đóng hội cho bà X, việc vợ ông đóng hội cho bà X như thế nào thì ông không biết. Bà X yêu cầu ông trả số tiền hội 70.000.000 đồng là ông không đồng ý.

Bà Phạm Ngọc N trình bày:

Bà có tham gia nhiều chung hội do bà Huỳnh Thị X mở hội trong đó có hai dây hội mở ngày 16/7/2017 (âm lịch) dây số 01 và số 02 loại hội 5.000.000 đồng, dây số 1 có 17 hội viên, bà và con bà là M tham gia mỗi dây một chung, Sau đó bà và con bà không tham gia chung hội của dây số 02, chỉ còn dây số 01 bà tham gia một chung, con bà 01 chung hiện tại bà chưa hót, hội hiện tại bà X đã đình hội, việc thỏa thuận chơi hội giữa bà với bà X bà có nói với chồng bà ông H biết, ông H có ngăn cản bà không cho bà tham gia, còn việc bà tham gia chơi hội với bà X cụ thể như thế nào thì ông H không biết.

Đối với chung hui của con bà tham gia dây số 01, hui 5.000.000 đồng thì My đã hót hui kỳ thứ 02. Do con bà đi làm ăn xa nên bà có nhận dùm tiền hui của con bà do bà X giao hui số tiền 33.430.000 đồng, chồng bà ông H ký tên trong giấy giao tiền hui ngày 16/01/2018 (số 2). Giấy giao nhận tiền hui hót do bà X tự ghi.

Đối với chị Lâm Thùy M, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng chị M vẫn không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

Tại phiên tòa bà X thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông H, bà N trả số tiền hui chết cho bà 60.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về trình tự, thu thập chứng cứ và tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X, buộc ông H, bà N có trách nhiệm trả cho bà X số tiền hui thiếu 60.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Huỳnh Thị X khởi kiện yêu cầu ông Lâm Văn H trả tiền hui, ông H có nơi cư tại huyện Văn Thới, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp hui và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thới theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Vắng mặt của đương sự:* Các đương sự ông Lâm Văn H, bà Phạm Ngọc N và chị Lâm Thùy M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà N và chị M là đúng quy định.

- Về Nội dung:

[3] Vợ chồng bà Huỳnh Thị X, ông Nguyễn Thành L có mở các dây hui ngày 16/7/2017 âm lịch dây một và dây hai thực tế có xảy ra. Theo bà X trình bày vợ chồng ông H, bà N tham gia mỗi dây hui 01 chung, con ông H tham gia mỗi dây một chung. Nhưng sau đó con ông H là M không tham gia dây số hai còn ông H không tham gia dây số một nữa. Còn theo ông H cho rằng việc tham gia chơi hui giữa bà X và vợ ông thì ông không biết, ông không có tham gia chơi hui như bà X trình bày, ông thừa nhận có ký nhận tiền hui là của con ông. Theo bà N xác định bà và con bà là M có tham gia mỗi dây hui 01 chung nhưng sau đó bà và con bà không tham gia dây hui số hai chỉ tham gia dây hui số một. Dây hui số một con bà là M đã

hốt bà đã nhận tiền thay cho con bà. Đối với dây hui số một bà vẫn còn một chung sống.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông H, bà N có tham gia hui do bà X làm chủ hui thực tế có xảy ra, tuy nhiên các bên không thống nhất về các dây hui và số chung hui tham gia. Bà X cho rằng ông H, bà N tham gia dây một và dây hai mỗi dây một chung, sau đó không tham gia dây hui số một nữa, chỉ còn dây hui số hai. Ông H, bà N không thừa nhận cho rằng dây hui ông H nhận tiền là dây số một do con của ông bà là M hốt. Thấy rằng tại biên nhận nhận tiền (bút lục số 41) ông H là người ký nhận tiền hui từ bà X số tiền 33.430.000 đồng sau khi trừ đi các khoảng đóng tiền hui khác thể hiện dây số 02 có 19 chung, ông H cho rằng khi ký nhận tiền ông không biết vì ông chỉ ký dùm con của ông sau đó ông đưa số tiền này cho con của ông. Theo bà N trình bày số tiền hui ông H nhận là dây số một, do M hốt là chưa đúng vì theo danh sách hui mở ngày 16/7/2017 âm lịch thì dây số một chỉ có 17 chung, dây số hai thì có 19 chung. Như vậy lời trình bày của bà X là phù hợp các chứng cứ có tại hồ sơ, số tiền hui ông H nhận là dây số hai. Ông H, bà N cho rằng ký nhận dùm con bà là M nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

[4] Tòa án tiến hành xác minh các hui viên như bà Lê Thị T, chị Dương Kim T2, bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Minh T3 điều xác định dây hui số 02 ông Lâm Thanh H (Lâm Văn H) có tham gia chơi hui do bà X, ông L làm chủ hui, nhưng việc hốt hui và đóng hui giữa ông H với bà X cụ thể như thế nào thì không biết.

[5] Hiện tại dây hui số hai đã đình hui, ông H, bà N đã hốt hui và chủ hui đã giao đầy đủ tiền lĩnh hui cho ông H bà N, ông H bà N phải có trách nhiệm đóng hui cho chủ hui, do đó yêu cầu của bà X yêu cầu ông H, bà N trả số tiền hui chưa đóng số tiền 14 lần x 5.000.000 đồng = 70.000.000 đồng là phù hợp Điều 16, 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường và Điều 471 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa bà X thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông H, bà N trả số tiền 60.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của bà X, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

[6] Từ những phân tích Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X, buộc ông Lâm Văn H và bà Phạm Ngọc N có trách nhiệm trả cho bà X khoảng tiền hui thiếu là 60.000.000 đồng là có cơ sở.

[7] Phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời là có cơ sở được chấp nhận.

[8] Trong vụ án các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết dây hui mở ngày 16/7/2017 (âm lịch) dây số một. Giữa bà X, ông H, bà N, chị M phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[9] Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lâm Văn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ngọc N phải chịu là 3.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 16, 24 của Nghị quyết số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hộ, hội, biểu, phường và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị X.

Buộc ông Lâm Văn H, bà Phạm Ngọc N trả cho bà Huỳnh Thị X số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H, bà N không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị X không phải chịu, ngày 17/5/2021 bà X đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 1.750.000 đồng biên lai thu số 0004966 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Ông Lâm Văn H, bà Phạm Ngọc N phải chịu 3.000.000 đồng (Chưa nộp).

Án xử sơ thẩm, bà X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông H, bà N, chị M và ông L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Len

